



VAN CAO CHEMICAL

BẢN DỮ LIỆU AN TOÀN NGUYÊN LIỆU

CÔNG TY TNHH TM-DV VAN CAO

Tên sản phẩm: Butyl CARBITOL™ Solvent

Ngày ban hành: 05.11.2020

Ngày in: 07.11.2020

CÔNG TY TNHH TM-DV VẠN CAO khuyến nghị và mong rằng Quý Khách Hàng đọc và hiểu toàn bộ Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu), vì trong toàn tài liệu có những thông tin quan trọng. Chúng tôi mong rằng Quý Khách Hàng thực hiện theo những cách phòng ngừa nêu trong tài liệu này trừ khi điều kiện sử dụng của Quý Khách cần phải theo phương pháp hoặc hành động thích hợp khác.

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm: Butyl CARBITOL™ Solvent

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo: Dung môi công nghiệp. Chúng tôi khuyến nghị rằng Quý Khách Hàng sử dụng sản phẩm hóa chất này một cách nhất quán với công dụng đã liệt kê. Nếu mục đích sử dụng của Quý Khách Hàng khác với công dụng mà chúng tôi đã nêu, xin vui lòng liên hệ với đại diện kinh doanh hoặc đại diện chăm sóc khách hàng.

Thông tin về công ty

CÔNG TY TNHH TM-DV VẠN CAO
160/87 PHAN HUY ÍCH, PHƯỜNG 12,
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VIỆT NAM

Điện thoại thông tin khách hàng::

+84-0903-735-753

vancaochem79@gmail.com

Số fax

84-028-3831-1160

SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Liên hệ khẩn cấp 24/24: +84-0903-735-753

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Độc cấp tính - Cấp 5 - Đường miệng

Độc cấp tính - Cấp 5 - Da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt - Cấp 2A

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Từ cảnh báo: **CẢNH BÁO!**

Cảnh báo nguy hiểm

Có thể có hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.
Mang dụng cụ bảo vệ mắt và/hoặc bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó

NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

Gọi đến **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/** bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

Nếu kích ứng mắt kéo dài: Cần được tư vấn và/hoặc chăm sóc y tế.

Các nguy cơ khác

chưa có dữ liệu

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Sản phẩm này là một chất.

Nhận dạng hóa chất: Diethylene glycol monobutyl ether

CASRN: 112-34-5

Thành phần	CASRN	Nồng độ
Diethylene glycol monobutyl ether	112-34-5	>= 99,0 %

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung:

Người thực hiện các biện pháp sơ cứu phải lưu ý tự bảo vệ bản thân và sử dụng đồ bảo hộ theo khuyến nghị (găng tay kháng hóa chất, biện pháp bảo vệ chống hóa chất bắn tóe ra). Nếu có khả năng phơi nhiễm với hóa chất, hãy tham khảo phần 8 để biết thêm các trang thiết bị bảo hộ cá nhân cụ thể.

Hít phải: Di chuyển nạn nhân đến nơi thoáng khí và giữ cho hơi thở thoải mái; tham khảo ý kiến bác sĩ.

Tiếp xúc với da: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.

Tiếp xúc với mắt: Dội nước rửa mắt ngay lập tức. Tháo kính sát trùng ra (nếu đang mang) sau 5 phút đầu, và tiếp tục dội nước rửa mắt thêm ít nhất là 15 phút nữa. Nhanh chóng tìm sự chăm sóc y tế, tốt nhất là từ bác sĩ nhãn khoa. Vòi rửa mắt an toàn dùng để dội rửa hoá chất khi khẩn cấp nên được đặt sẵn trong khu vực làm việc.

Nuốt phải: Nếu nuốt phải, tìm kiếm sự chăm sóc về y tế. Không được cố gây nôn trừ khi có chỉ định của nhân viên y tế.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này:

Bên cạnh những thông tin tìm thấy dưới sự mô tả các biện pháp sơ cứu đầu tiên (như trên) và những dấu hiệu tìm sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị cần thiết (dưới đây), các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng khác được mô tả trong Phần 11: Thông tin về độc tính.

Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị: Không có thuốc chữa trị chuyên biệt. Việc điều trị sự phơi nhiễm hoá chất nên được hướng đến việc kiểm soát triệu chứng lâm sàng và tình trạng của bệnh nhân.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy thích hợp: Dùng nước phun sương hoặc phun xịt mịn.. Bình chữa cháy (sử dụng) hoá chất khô.. Bình chữa cháy (sử dụng) khí Carbon dioxide.. Bọt.. Nên dùng các loại bọt chịu được cồn (loại ATC). Có thể dùng các loại bọt tổng hợp sử dụng cho mục đích chung (bao gồm cả AFFF) hoặc các loại bọt protein, nhưng hiệu quả sẽ kém hơn..

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp: chưa có dữ liệu

Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy: Trong một đám cháy, khói có thể chứa nguyên liệu hóa chất gốc cộng với các sản phẩm cháy gồm những thành phần khác nhau có thể độc hại và/hoặc gây khó chịu.. Sản phẩm cháy có thể bao gồm và không giới hạn bởi: Carbon monoxide.. Carbon dioxide..

Những hiểm họa cháy nổ bất thường: Thùng chứa có thể bị vỡ do sự phát sinh khí trong một tình huống cháy.. Hơi nước phát sinh hoặc phun trào dữ dội khi dùng dòng nước phun trực tiếp vào hóa chất lỏng đang nóng..

Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Các quy tắc cứu hỏa: Yêu cầu mọi người tránh xa khu vực. Cô lập lửa, và không cho người vào khu vực nếu không cần thiết.. Dùng nước phun xịt để làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa và khu vực bị ảnh hưởng lửa cho đến khi ngọn lửa đã được dập tắt và nguy cơ bắt lửa lại đã qua khỏi.. Tiến hành cứu hỏa từ một vị trí đã được bảo vệ hoặc từ một khoảng cách an toàn. Nếu có điều kiện, nên xem xét đến việc sử dụng vòi phun tự động hoặc được điều khiển từ xa.. Ngay lập tức đưa toàn bộ nhân sự ra khỏi khu vực trong trường hợp xuất

hiện âm thanh từ thiết bị an toàn xả khí hoặc sự đổi màu của thùng chứa.. Chất lỏng đang cháy có thể được dập tắt bằng cách pha loãng với nước.. Không dùng dòng nước trực tiếp. Có thể làm đám cháy lan rộng.. Di chuyển thùng chứa ra khỏi khu vực cháy nếu có thể và không gây ra nguy hiểm.. Dội nước lên và xung quanh các chất lỏng đang cháy để bảo vệ con người và giảm thiểu các thiệt hại về tài sản..

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa: Mang dụng cụ thở độc lập áp suất dương (SCBA) và trang phục cứu hỏa (bao gồm mũ bảo hộ, áo khoác, quần dài, giày ống, và găng tay).. Nếu thiết bị bảo hộ không có sẵn hoặc không được sử dụng, thì nên đứng chữa cháy ở một vị trí đã được bảo vệ hoặc ở một khoảng cách an toàn thích hợp..

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố: Cô lập khu vực. Không cho người vào khu vực nếu không cần thiết và không được trang bị các thiết bị bảo vệ. Tham khảo phần 7, Các lưu ý khi thao tác, để biết thêm các biện pháp phòng ngừa. Sử dụng các thiết bị an toàn thích hợp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem thêm Phần 8: Kiểm Soát Sự Phơi Nhiễm và Bảo Vệ Cá Nhân.

Các cảnh báo về môi trường: Ngăn không cho hóa chất thấm vào đất, mương rãnh, cống, luống nước và/hoặc nước ngầm. Vui lòng xem Phần 12: Thông tin về sinh thái.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố: Đối với sự cố tràn/ đổ ít: Thấm hút bằng các nguyên liệu sau: Cát. Chất khoáng bón cây. Gom vào các thùng chứa thích hợp và được dán nhãn hợp lệ. Đối với sự cố tràn/ đổ nhiều: Nếu có thể, tiến hành chứa đựng hóa chất bị đổ, thoát ra. Bơm hoá chất vào những thùng chứa thích hợp và có dán nhãn thích hợp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Phần 13, Những Lưu Ý Khi Loại Bỏ.

7. CÁC LƯU Ý KHI THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm: Tránh tiếp xúc với mắt. Rửa thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất. Giữ thùng chứa luôn đóng. Sử dụng ở nơi thông thoáng gió đầy đủ. Tràn đổ các nguyên liệu hóa chất hữu cơ này lên các vật cách ly bằng chất xơ đang nóng có thể dẫn đến hạ thấp nhiệt độ tự bốc cháy và dẫn đến bùng phát ngọn lửa. Xem Phần 8, Kiểm Soát Sự Tiếp Xúc và Bảo Vệ Cá Nhân.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: Cát trữ trong thùng chứa làm từ (các) nguyên liệu sau: Thép carbon. Thép không gỉ. Thùng phuy thép có lót chất phenolic. Không cất trữ trong: Aluminum. Đồng. Sắt mạ kẽm. Thiếc mạ kẽm. Xem Phần 10 để biết thêm thông tin cụ thể.

Tính ổn định trong lưu trữ

Thời gian lưu trữ:

Theo khối

6 Tháng

Thùng chứa.

24 Tháng

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Nếu các giới hạn phơi nhiễm có tồn tại thì chúng được liệt kê dưới đây. Nếu giới hạn phơi nhiễm không được hiển thị, thì nghĩa là không có giá trị nào được áp dụng.

Thành phần	Quy định	Loại danh sách	Giá trị
Diethylene glycol monobutyl ether	ACGIH	TWA Bụi hạt và hơi hít phải vào phổi	10 ppm

Kiểm soát phơi nhiễm

Các kiểm soát kỹ thuật: Áp dụng biện pháp thông gió thoát khí cục bộ, hoặc kiểm soát công trình để duy trì nồng độ trong không khí bên dưới các yêu cầu giới hạn hoặc hướng dẫn phơi nhiễm. Nếu không có các hướng dẫn hoặc yêu cầu giới hạn về phơi nhiễm, cần cung cấp đủ sự thông gió chung cho hầu hết các hoạt động xử lý. Thông gió thoát khí cục bộ có thể cần thiết cho một số hoạt động.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt: Sử dụng kính bảo hộ chống hoá chất.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay chịu được hóa chất này khi có khả năng phải tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại thường xuyên với nguyên liệu. Ví dụ điển hình của những găng tay chống chịu được nguyên liệu bao gồm: Cao su butyl Polyethylene. Chlorinated polyethylene. Ethyl vinyl alcohol laminate ("EVAL"). Ví dụ điển hình những vật liệu cho găng tay có thể chấp nhận được bao gồm: Viton. Cao su thiên nhiên ("latex") Polyvinyl chloride ("PVC" hoặc "vinyl"). Cao su nitrile/butadiene ("nitrile" or "NBR"). LƯU Ý: Việc lựa chọn loại găng tay cụ thể cho một công việc và thời gian cụ thể ở nơi làm việc phải nên được xem xét đến tất cả các yếu tố có liên quan ở nơi làm việc chẳng hạn như nhưng không hạn chế bởi: những hóa chất khác có thể xử lý, các yêu cầu về mặt vật lý (bảo vệ chống cắt đứt/đâm thủng, chống nhiệt), những phản ứng của cơ thể đối với găng tay có thể xảy ra, cũng như những hướng dẫn, thông số kỹ thuật của nhà sản xuất găng tay.

Các lưu ý bảo vệ khác: Mặc trang phục sạch sẽ và che phủ toàn bộ thân thể.

Bảo vệ hô hấp: Nên mang thiết bị bảo vệ hô hấp khi có tiềm năng vượt quá các yêu cầu giới hạn hoặc các hướng dẫn về phơi nhiễm. Nếu không có các yêu cầu giới hạn hoặc các hướng dẫn về phơi nhiễm, hãy mang thiết bị bảo vệ hô hấp khi xảy ra các hậu quả xấu, chẳng hạn như bị kích thích hô hấp hoặc cảm thấy không thoải mái, hoặc theo quy định của quy trình đánh giá sự nguy hiểm. Ở hầu hết các điều kiện, không cần thiết bảo vệ đường hô hấp; tuy nhiên nếu cảm thấy khó chịu thì dùng thiết bị hô hấp làm sạch không khí đã được chứng nhận.

Sau đây là các loại mặt nạ làm sạch không khí có hiệu quả: Bộ lọc hơi hữu cơ

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái

Trạng thái vật lý

Dạng lỏng.

Màu

không màu

Mùi

Mờ nhạt

Ngưỡng mùi

Chưa có dữ liệu kiểm tra

Độ pH

Chưa có dữ liệu kiểm tra

Điểm/khoảng nóng chảy

Không áp dụng cho chất lỏng.

Điểm đông	-68 °C <i>Tài liệu</i>
Điểm sôi (760 mmHg)	230 °C <i>Tài liệu</i>
Điểm cháy	cốc kín 114 °C <i>Tài liệu</i>
Mức độ bay hơi (Butyl acetate = 1)	0,01 <i>Tài liệu</i>
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không áp dụng cho chất lỏng.
Tính dễ cháy (chất lỏng)	Không được xem là chất lỏng dễ cháy tích lũy tĩnh.
Giới hạn dưới của cháy nổ	0,85 (v)% <i>Tài liệu</i>
Giới hạn trên của cháy nổ	24,6 (v)% <i>Tài liệu</i>
Áp suất hơi	0,021 mmHg ở 25 °C <i>Tài liệu</i>
Tỷ trọng hơi tương đối (không khí = 1)	Chưa có dữ liệu kiểm tra
Tỷ trọng tương đối (nước = 1)	0,951 ở 20 °C <i>Tài liệu</i>
Độ hòa tan trong nước	có thể pha trộn hoàn toàn
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: 1 <i>Đo đạc</i>
Nhiệt độ tự bốc cháy	210 °C <i>Tài liệu</i>
Nhiệt độ phân hủy	Chưa có dữ liệu kiểm tra
Độ nhớt động	6 mPa.s ở 20 °C <i>Tài liệu</i>
Độ nhớt động lực học	5,2 cSt ở 25 °C <i>Tài liệu</i>
Đặc tính cháy nổ	Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	Không Ôxy hóa
Mật độ chất lỏng	0,955 g/cm ³ ở 20 °C <i>Đo đạc</i>
Trọng lượng phân tử	162,2 g/mol <i>Đã đo.</i>

Chú ý: Các dữ liệu vật lý được trình bày ở trên là giá trị tiêu biểu và không nên được hiểu như là một đặc điểm kỹ thuật

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng: Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.

Tính ổn định: Ổn định về nhiệt ở các nhiệt độ sử dụng điển hình.

Phản ứng nguy hiểm: Không xảy ra phản ứng trùng hợp.

Các điều kiện cần tránh: Không chưng cất sản phẩm đến khi cạn khô. Sản phẩm có thể bị oxy hóa ở nhiệt độ cao. Việc phát sinh khí trong quá trình phân hủy có thể gây ra áp suất trong các hệ thống kín.

Vật liệu không tương thích: Tránh tiếp xúc với: Axit mạnh. Bazơ mạnh. Chất oxy hoá mạnh.

Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy: Các sản phẩm phân hủy tùy thuộc vào nhiệt độ, lượng không khí được cung cấp, và sự tham gia của những nguyên liệu hoá chất khác.. Sản phẩm phân hủy có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi: Các aldehyde. Các ketone. Các axit hữu cơ..

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về độc hại được trình bày trong phần này khi dữ liệu có sẵn.

Đường tiếp xúc

Ăn uống, Hít phải, Tiếp xúc với da, Tiếp xúc với mắt.

Độc tính cấp tính (đại diện cho phơi nhiễm ngắn hạn cùng với tác động tức thời - chưa ghi nhận thấy có tác động mãn tính/ trì hoãn trừ khi có ghi chú khác)

Độc tính cấp theo đường miệng

Tính độc hại thấp nếu nuốt phải. Nếu ngẫu nhiên nuốt phải những lượng nhỏ nguyên liệu hoá chất trong các hoạt động xử lý thông thường thì không gây tổn thương; tuy nhiên, nếu nuốt phải những lượng lớn hơn thì có thể gây tổn thương.

Dựa trên thử nghiệm sản phẩm:

LD50, Chuột nhắt, 2.410 mg/kg

Dựa trên thử nghiệm sản phẩm:

LD50, Chuột, 3.305 mg/kg

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

LD50, Chuột nhắt, 2.410 mg/kg

LD50, Chuột, 3.305 mg/kg

Độc tính cấp qua da

Sự tiếp xúc kéo dài với da có vẻ như không gây thấm hút những lượng độc hại

Dựa trên thử nghiệm sản phẩm:

LD50, Thỏ, 2.764 mg/kg

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

LD50, Thỏ, 2.764 mg/kg

Độc tính cấp do hít phải

Được tiên liệu là không có ảnh hưởng nghiêm trọng từ việc phơi nhiễm đơn lẻ với hơi hóa chất. Đối với các ảnh hưởng kích ứng hô hấp và gây mê: Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Như sản phẩm: LC50 chưa được xác định.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

LC50 chưa được xác định. Giá trị LC50 lớn hơn Nồng Độ Có Thể Đạt Được Mức Tối Đa.

Ăn mòn/kích ứng da

Dựa trên thử nghiệm sản phẩm:

Tiếp xúc kéo dài với sản phẩm hoá chất có thể gây kích ứng nhẹ cho da với hiện tượng đỏ da cục bộ.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

Tiếp xúc kéo dài với sản phẩm hoá chất có thể gây kích ứng nhẹ cho da với hiện tượng đỏ da cục bộ.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Dựa trên thử nghiệm sản phẩm:

Có thể gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Có thể gây tổn thương nhẹ cho màng sừng.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

Có thể gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Có thể gây tổn thương nhẹ cho màng sừng.

Gây mẫn cảm

Đã cho thấy không gây ra các phản ứng dị ứng da khi tiến hành thí nghiệm trên chuột lang.

Đối với sự mẫn cảm hô hấp:

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

Đã cho thấy không gây ra các phản ứng dị ứng da khi tiến hành thí nghiệm trên chuột lang.

Đối với sự mẫn cảm hô hấp:

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Các dữ liệu sẵn có không đủ để xác định độc tính đối với từng bộ phận chuyên biệt của cơ thể khi phơi nhiễm đơn lẻ với hoá chất.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

Các dữ liệu sẵn có không đủ để xác định độc tính đối với từng bộ phận chuyên biệt của cơ thể khi phơi nhiễm đơn lẻ với hoá chất.

Nguy cơ hô hấp

Căn cứ vào tính chất vật lý, không nguy hiểm khi hít phải.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

Căn cứ vào tính chất vật lý, không nguy hiểm khi hít phải.

Độc tính mãn tính (đại diện cho phơi nhiễm lâu dài với liều lặp lại dẫn đến tác dụng mãn tính/ trì hoãn - chưa ghi nhận thấy có tác động ngay lập tức trừ khi có ghi chú khác)

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm lặp đi lặp lại)

Ở động vật, các ảnh hưởng đã được báo cáo ở các bộ phận sau đây:

Máu.

Thận.

Gan.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

Ở động vật, các ảnh hưởng đã được báo cáo ở các bộ phận sau đây:

Máu.

Thận.

Gan.

Tác nhân gây ung thư

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Độc tính gây quái thai

Không gây các dị tật bẩm sinh hoặc các hậu quả khác lên bào thai dù là ở những liều lượng đã có tác động độc hại đối với động vật mẹ.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

Không gây các dị tật bẩm sinh hoặc các hậu quả khác lên bào thai dù là ở những liều lượng đã có tác động độc hại đối với động vật mẹ.

Độc tính sinh sản

Trong nghiên cứu trên động vật, không cản trở khả năng sinh sản. Tuy nhiên, trọng lượng cơ thể của các động vật sơ sinh đã giảm xuống.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

Trong nghiên cứu trên động vật, không cản trở khả năng sinh sản. Tuy nhiên, trọng lượng cơ thể của các động vật sơ sinh đã giảm xuống.

Độc tính gây đột biến

Nghiên cứu về tính độc hại di truyền trong ống nghiệm (bên ngoài cơ thể) đã cho phần lớn là kết quả âm tính. Các nghiên cứu về độc tính di truyền trên động vật đều cho kết quả âm tính.

Thông tin của các thành phần:

Diethylene glycol monobutyl ether

Nghiên cứu về tính độc hại di truyền trong ống nghiệm (bên ngoài cơ thể) đã cho phần lớn là kết quả âm tính. Các nghiên cứu về độc tính di truyền trên động vật đều cho kết quả âm tính.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin về độc hại sinh thái được trình bày trong phần này khi dữ liệu có sẵn.

Độc môi trường

Độc tính cấp tính đối với cá

Nguyên liệu hóa chất hầu như không độc hại đối với sinh vật thủy sinh dựa trên cơ sở cấp tính (LC50/EC50/EL50/LL50 > 100 mg/L trong các loài nhạy cảm nhất đã kiểm tra).

LC50, *Lepomis macrochirus* (Cá thái dương bluegill), Thử nghiệm tĩnh, 96 h, 1.300 mg/l, OECD Hướng dẫn kiểm tra 203 hoặc tương đương

Độc tính cấp tính đối với động vật không xương sống thủy sinh

EC50, *Daphnia magna* (Bọ nước), Thử nghiệm tĩnh, 48 h, > 100 mg/l, OECD Hướng dẫn kiểm tra 202 hoặc tương đương

Độc tính cấp tính đối với tảo

ErC50, Loại tảo *Scenedesmus*, Thử nghiệm tĩnh, 96 h, Ức chế tốc độ tăng trưởng, > 100 mg/l, OECD Hướng dẫn kiểm tra 201 hoặc tương đương

EbC50, Loại tảo *Scenedesmus*, Thử nghiệm tĩnh, 96 h, Sinh khối, > 100 mg/l, OECD Hướng dẫn kiểm tra 201 hoặc tương đương

Độc tính đối với vi khuẩn

EC50, Vi khuẩn, Thử nghiệm tĩnh, 255 mg/l

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tính phân hủy sinh học: Nguyên liệu hóa chất dễ dàng phân hủy sinh học. Đạt (các) kiểm tra OECD về tính dễ phân hủy sinh học.

10 ngày "window": không áp dụng

Phân hủy sinh học: 89 - 93 %

Thời gian phơi nhiễm: 28 d

Phương pháp: Kiểm tra OECD 301C

10 ngày "window": không áp dụng

Phân hủy sinh học: 100 %

Thời gian phơi nhiễm: 28 d

Phương pháp: Theo hướng dẫn 302B của kiểm tra OECD hoặc tương đương

Nhu cầu oxy lý thuyết: 2,17 mg/mg

Nhu cầu oxy sinh học (BOD)

Thời Gian Ủ Bệnh	BOD
5 d	27 %
10 d	60 %
20 d	81 %

Phân hủy quang học**Loại kiểm nghiệm:** Bán rã (quang hóa gián tiếp)**Chất gây mất cân:** các gốc OH**Thời gian bán rã trong khí quyển:** 11 h**Phương pháp:** Ước tính.**Khả năng tích lũy sinh học****Tính tích lũy sinh học:** Tiềm năng tích lũy sinh học thấp (BCF < 100 hoặc LogPow < 3)**Hệ số phân tán: n-octanol/nước(log Pow):** 1 Đo đạc**Tính dịch chuyển trong đất**

Do có hằng số định luật Henry rất thấp, sự bay hơi từ các nguồn nước hoặc đất ẩm được tiên liệu không phải là một quá trình tác động quan trọng.

Tiềm năng di chuyển trong đất của hoá chất rất cao (Koc ở giữa 0 và 50).

Hệ số phân tán (Koc): 2 Ước tính.**Kết quả đánh giá PBT và vPvB**

Chất này không được xem là bền, có tính tích lũy sinh học, và độc hại (PBT). Chất này không được xem là có tính bền cao và có tính tích lũy sinh học cao (vPvB).

Các tác hại khác

Chất này không có trong danh sách các chất làm suy giảm tầng ozone của nghị định Montreal.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ: KHÔNG ĐƯỢC ĐỔ VÀO CỐNG RÃNH, MẶT ĐẤT, HOẶC CÁC NGUỒN NƯỚC. Tất cả quy trình thải bỏ phải tuân thủ pháp luật và quy định của Liên Bang, Bang/tỉnh và địa phương. Các quy định có thể khác nhau ở những nơi khác nhau. Việc mô tả đặc tính chất thải và việc tuân thủ các luật, quy định có liên quan là trách nhiệm hoàn toàn của bên đã làm phát sinh chất thải. LÀ NHÀ CUNG CẤP, CHÚNG TÔI KHÔNG KIỂM SOÁT QUY TRÌNH QUẢN LÝ HOẶC CÁC QUY TRÌNH SẢN XUẤT CỦA CÁC BÊN XỬ LÝ HOẶC SỬ DỤNG HÓA CHẤT NÀY. THÔNG TIN NẾU Ở ĐÂY CHỈ GẮN LIỀN VỚI SẢN PHẨM THEO NHƯ TÌNH TRẠNG ĐƯỢC MÔ TẢ TRONG MSDS Ở PHẦN: Thông tin về thành phần KHI ĐƯỢC VẬN CHUYỂN ĐẾN QUÝ KHÁCH HÀNG. ĐỐI VỚI CÁC SẢN PHẨM CHƯA SỬ DỤNG HOẶC CHƯA BỊ NHIỄM BẨN, thì nên chuyển đến một cơ sở đã được cấp phép, phê duyệt: Lò đốt hoặc một thiết bị tiêu hủy bằng nhiệt.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Phân loại đối với vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt

Not regulated for transport

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG BIỂN (IMO-IMDG)

Not regulated for transport

Vận chuyển theo khối dựa trên Phụ Lục I hoặc II của MARPOL 73/78 (Công ước quốc tế về ngăn

Consult IMO regulations before transporting ocean bulk

ngừa ô nhiễm từ tàu biển)
và theo mã quy ước quốc
tế IBC hoặc IGC

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG KHÔNG (IATA / ICAO):
Not regulated for transport

Thông tin này không nhằm mục đích để truyền đạt tất cả các qui định pháp lý cụ thể hoặc các yêu cầu/ thông tin vận hành liên quan đến sản phẩm này. Phân loại khi vận chuyển có thể thay đổi tùy theo khối lượng/ thể tích chuyên chở và các điều chỉnh pháp lý theo khu vực hoặc quốc gia. Có thể tìm hiểu thêm thông tin bổ sung trong vận chuyển thông qua đại diện thương mại hoặc đại diện dịch vụ khách hàng đã được ủy quyền. Hãng vận tải có trách nhiệm tuân thủ các luật, quy định, quy tắc liên quan khi tiến hành vận chuyển hóa chất này.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Theo như chúng tôi biết, những luật lệ được liệt kê sau đây cung cấp những yêu cầu cần thiết dựa trên kinh doanh hoá chất, sử dụng hóa chất một cách an toàn, vận chuyển hóa chất, quy định về nhãn hoá chất tại Việt Nam:

Luật Hoá Chất của Quốc Hội khóa XII, số 06/2007/QH12, được ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2007.

Nghị Định 113/2017/NĐ-CP, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hoá chất, được ban hành ngày 09 tháng 10 năm 2017.

Nghị định 42/2020/ND-CP quy định về Danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa, được ban hành ngày 08 tháng 04 năm 2020.

Nghị Định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa được ban hành ngày 01 tháng 06 năm 2017.

Chúng tôi khuyến nghị khách hàng nên kiểm tra xem có quy định cụ thể nào tại địa điểm sử dụng sản phẩm này về việc phải nghiên cứu kỹ lưỡng đối với con người hoặc các ứng dụng dùng trong thú y, như phụ gia thực phẩm và dược phẩm hoặc bao bì, sản phẩm vệ sinh gia dụng, và mỹ phẩm, hoặc ngay cả các chất phải kiểm soát đã được công nhận là tiền chất để sản xuất dược phẩm, vũ khí hóa học và đạn dược.

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Tài liệu giới thiệu về sản phẩm

Để biết thêm thông tin về lưu trữ và thao tác xử lý đối với sản phẩm này, xin vui lòng liên hệ phòng kinh doanh hoặc dịch vụ khách hàng.

Hệ thống xếp hạng nguy cơ

NFPA

Y tế	Tính dễ cháy	Tính không ổn định
2	1	0

Chỉnh sửa

Số nhận biết 31000010 / A634 / Ngày ban hành: 05.11.2020 / Phiên bản: 9.0

(Các) chỉnh sửa gần đây nhất được in đậm, đánh dấu bằng thanh đôi cạnh lề trái trong toàn bộ tài liệu.

Ghi chú

ACGIH	Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH
TWA	8 giờ, trung bình tính theo thời gian

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AICS - Kiểm kê Hóa chất Australia; AIIC - Tồn kho hóa chất công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nội làm việc

CÔNG TY TNHH TM-DV VĂN CAO khuyến khích khách hàng hoặc người nhận Bản Dữ liệu An Toàn (Nguyên Liệu) này hãy đọc nó thật kỹ và tham khảo ý kiến từ chuyên gia, đó là điều cần thiết để nhận thức và hiểu được những thông tin trong Bản Dữ Liệu này và những mối nguy hiểm có thể phát sinh từ sản phẩm. Thông tin cung cấp trong bản này là thành thật và được cho là chính xác căn cứ theo ngày hiệu lực đã nêu ở trên đây. Tuy nhiên, không có bảo đảm, nêu ra, hay ám chỉ được đưa ra. Các yêu cầu cũng như quy định có thể thay đổi và có thể khác nhau ở từng nơi. Người mua/người sử dụng có trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động của mình tuân thủ luật quốc gia và các quy định ở cấp thành phố, tỉnh, hoặc địa phương sở tại. Những thông tin trong bản này chỉ gắn liền với sản phẩm của chúng tôi đã bán cho quý khách hàng. Do nhà sản xuất không thể kiểm soát được các điều kiện sử dụng sản phẩm, nên người mua/người sử dụng có nhiệm vụ phải quyết định những điều kiện cần thiết để có thể sử dụng sản phẩm một cách an toàn. Do hiện nay có nhiều nguồn thông tin cung cấp khác nhau như là bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ nhà sản xuất, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm, cũng như không có khả năng chịu trách nhiệm cho những nguồn thông tin khác không phải của chúng tôi. Nếu quý khách hàng đã nhận được Bản Dữ Liệu An Toàn

(Nguyên Liệu) từ một nguồn khác hoặc nếu quý khách không chắc rằng Bản Dữ Liệu của mình có cập nhật không, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận được phiên bản mới nhất.
VN